

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công khai dự toán ngân sách nhà nước Quý 1 năm 2024

### GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản;

Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-SYT ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ các quyết định bổ sung, điều chỉnh dự toán ngân sách của Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính TTCSSKSS.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách Quý 1 năm 2024 của Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng các khoa, phòng và viên chức, người lao động của đơn vị có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Ban Giám đốc TT (VBĐT);
- Các Khoa, Phòng TT (VBĐT);
- Lưu: VT,KT.

KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thủy Tiên



Đơn vị: TRUNG TÂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 423

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 4 năm 2024

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2024**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý 1 năm 2024 như sau:

*ĐV tính: Triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện Quý 1 năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quý 1 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu</b>	<b>16.769,33</b>	<b>3.783,85</b>	<b>23%</b>	<b>93%</b>
1	Thu viện phí	13.320,60	2.882,82	22%	92%
2	BHYT	0,21	0,00	0%	
3	Thu dịch vụ, thu khác	3.448,51	901,03	26%	97%
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu được để lại</b>				
<b>I</b>	<b>Chi sự nghiệp</b>				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
*	<b>Từ nguồn thu</b>	<b>16.769,33</b>	<b>3.783,85</b>	<b>23%</b>	<b>93%</b>
-	Chi tiền lương	7.058,99	1.377,40	20%	101%
-	Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý	5.288,49	1.224,07	23%	112%
-	Tạm trích khấu hao tài sản cố định theo quy định	2.060,35	250,00	12%	51%
-	Chi khác theo quy định	266,97	2,56	1%	21%
-	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định	72,32	35,17	49%	182%
-	Tạm trích các quỹ, cải cách tiền lương	1.489,72	612,40	41%	57%
-	Tạm chi lương tăng thêm Q1/24	532,49	282,25	53%	
*	<b>Từ nguồn cải cách tiền lương</b>		<b>256,59</b>		
-	Chi tiền lương		256,59		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>				
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>				
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				



Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện Quý 1 năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quý 1 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
-	KP chi lễ tết - TTCSSKSS (NSĐP) (cấp bổ sung KP)	73,50	52,50	71%	100%
-	KP bảo hiểm cháy nổ - TTCSSKSS (NSĐP)	0,00	0,00		
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	KP Chương trình Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ tỉnh Khánh Hòa (QĐ số 502/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh) - TTCSSKSS (NSĐP) (điều chỉnh KP)	22,59	0,00	0%	
	KP Chương trình trợ giúp người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (Kế hoạch số 4692/KH-UBND ngày 31/5/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa) - TTCSSKSS (NSĐP) (điều chỉnh KP)	2,88	0,00	0%	
	KP Hoạt động Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (Kế hoạch số 4598/KH-UBND ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa) - TTCSSKSS (NSĐP) (điều chỉnh KP)	15,55	0,00	0%	
	KP Chương trình Chăm sóc SKSS,SKTD cho Vị thành niên, thanh niên trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (Kế hoạch số 8738/KH-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa) - TTCSSKSS (NSĐP) (điều chỉnh KP)	6,52	0,00	0%	
	Kinh phí Dự án 7 CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	594,28	0,00	0%	
	+ Số dư năm trước chuyển sang	9,44			
	+ Số dự toán giao năm 2024 (cấp bổ sung KP)	584,84			
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>				
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>				

KT. Giám đốc  
Phó Giám đốc



Nguyễn Thị Thủy Tiên